

TÍN HIỆU THẨM MỸ THIÊN NHIÊN TRONG THƠ NÔM NGUYỄN TRÃI

Hoàng Thị Thắm⁽¹⁾

(1) Trường Đại học Thủ Dầu Một

Ngày nhận 15/04/2025; chấp nhận 05/06/2025

Liên hệ email: thamht@tdmu.edu.vn

Tóm tắt

Tín hiệu thẩm mỹ là chất liệu của các sáng tác ngôn từ. Nghiên cứu các tác phẩm văn chương từ hệ quy chiếu của tín hiệu thẩm mỹ chính là cách giải mã những ý nghĩa nghệ thuật trong mối tương quan giữa tín hiệu thẩm mỹ và tín hiệu ngôn ngữ tự nhiên. Trên cơ sở lý thuyết tín hiệu thẩm mỹ được các nhà Việt ngữ học đề xuất, bằng các phương pháp thống kê – mô tả, phương pháp phân tích ngữ nghĩa và phương pháp so sánh, bài viết tập trung khảo sát và phân tích hệ thống tín hiệu thẩm mỹ thiên nhiên trong thơ Nôm Nguyễn Trãi, chủ yếu qua Quốc âm thi tập; từ đó, xác lập những đặc điểm căn bản và giá trị biểu đạt của chúng trong thơ Nguyễn Trãi. Đó là một hệ thống tín hiệu thẩm mỹ độc đáo, mới lạ góp phần thể hiện tư tưởng nhân văn, khí phách ẩn sĩ và phong cách nghệ thuật riêng biệt của nhà thơ.

Từ khoá: biến thể, thơ Nôm Nguyễn Trãi, tín hiệu thẩm mỹ, tín hiệu thẩm mỹ thiên nhiên

Abstract

NATURAL AESTHETIC SIGNAL IN NGUYEN TRAI'S NOM POETRY

Aesthetic signals (AS) constitute the semiotic material underlying linguistic creativity. Analyzing literary works from the perspective of AS offers an effective means of decoding artistic meanings, especially in the interplay between aesthetic signals and natural language. Building on the theoretical foundation of AS proposed by Vietnamese linguists and employing statistical-descriptive methods, semantic analysis, and comparative techniques, this study examines the system of natural aesthetic signals (NAS) in Nguyen Trai's Quoc am thi tap, a seminal collection of Nom poetry. The research identifies the core characteristics and expressive values of NAS in Nguyen Trai's poetry, highlighting how these signals form a distinct and innovative semiotic system. This system not only reflects this poet's humanistic ideals and reclusive spirit but also contributes to shaping his unique poetic style.

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ là chất liệu chính yếu của các tác phẩm văn chương. Tuy nhiên, đi vào trong các sáng tác ngôn từ, ngôn ngữ không đơn thuần là hệ thống tín mã được một cộng đồng người sử dụng để phục vụ nhu cầu giao tiếp mà tồn tại dưới dạng hệ thống tín hiệu đặc biệt – tín hiệu thẩm mỹ. Đỗ Hữu Châu (1990) “phương tiện sơ cấp của văn học là tín hiệu thẩm mỹ...”. Mặc dù đều xuất phát từ ngôn từ, lấy ngôn từ làm chất liệu chủ yếu nhưng mỗi người nghệ sĩ lại vận dụng, tạo tác, tổ chức hệ thống tín hiệu ấy theo cách riêng biệt, độc đáo. Vì vậy, nghiên cứu tín hiệu thẩm mỹ (THTM) không chỉ giúp độc giả

giải mã được những vỉa ngầm tư tưởng, xúc cảm thẩm mỹ, thông điệp nội dung, thông điệp văn hoá... mà người viết gửi gắm, kí thác trong mỗi tác phẩm mà còn góp phần xác lập, định vị, dán nhãn phong cách văn chương của mỗi nhà văn, nhà thơ.

Nguyễn Trãi không chỉ có vị thế đặc biệt trong dòng chảy lịch sử, văn hoá của dân tộc Việt Nam mà đối với thơ ca trung đại ông còn được xem là người đặt nền móng cho sự hình thành và phát triển của dòng văn học chữ Nôm. Khác với các trước tác bằng chữ Hán thể hiện tư tưởng chính trị, triết lí sống và nhân sinh của một nhà Nho yêu nước, thơ Nôm cho thấy rõ hơn khía cạnh tâm hồn - cá nhân sâu lắng của Nguyễn Trãi với tư cách một nhà thơ, một người bình dân náu sống áo vải. Dưới hình thức ngôn ngữ bình dị, gần với lời ăn tiếng nói của nhân dân, thơ Nôm của ông thể hiện một thế giới nghệ thuật đa chiều, dung dị mà sâu sắc, nơi thiên nhiên, thế sự, con người cùng hiện diện trong mối quan hệ hài hòa, giàu tính triết lí. Chính ở phương diện này, thơ Nôm Nguyễn Trãi không chỉ có giá trị văn học, nghệ thuật mà còn là một nguồn tư liệu quý báu để khảo sát ngôn ngữ, tư tưởng và mỹ cảm dân tộc trong giai đoạn đầu của văn học chữ Nôm.

Thiên nhiên trong thơ Nôm Nguyễn Trãi không chỉ là cỏ cây hoá lá, phong hoa tuyết nguyệt, nước biếc non xanh... mà còn là một hệ thống THPTM độc đáo, được thể hiện qua những hình ảnh vừa “bất quy phạm” phá vỡ mọi khuôn vàng thước ngọc của văn học cổ điển vừa dung dị, đời thường mang đậm hồn dân tộc. Chính vì vậy, bài tham luận này trên cơ sở thống kê các THPTM thiên nhiên làm nổi bật đặc trưng và giá trị biểu đạt của chúng trong những vần thơ “Quốc âm” của Nguyễn Trãi.

2. Cơ sở lí luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lí luận

Nghiên cứu về THPTM không còn là vấn đề mới mẻ. Lí thuyết về THPTM đã được manh nha và phát triển mạnh cách đây hơn 3 thập kỉ. Đặt nền móng cho việc tiếp cận và nghiên cứu về THPTM là tác giả Đỗ Hữu Châu (1990) trong *Những luận điểm về cách tiếp cận ngôn ngữ học các sự kiện văn học*. Trên cơ sở khái niệm và các thuộc tính của tín hiệu và tín hiệu ngôn ngữ, các nhà Việt ngữ học cho rằng “Phương tiện sơ cấp (primaire) của văn học là các THPTM. Nói rõ hơn, đơn vị của phương tiện văn học là các THPTM, cú pháp của cái ngôn ngữ - THPTM này là cú pháp - THPTM. Rồi các THPTM đó mới được thể hiện bằng các tín hiệu thông thường (và cú pháp thông thường)... Các đơn vị ngôn ngữ thông thường là cái biểu hiện của THPTM và ngữ pháp thông thường là cái biểu hiện của ngữ pháp - THPTM”.

Bùi Minh Toán (2012) cũng đã xác lập khái niệm THPTM trong văn chương: “THPTM là loại tín hiệu có chức năng thẩm mỹ: biểu hiện cái đẹp, truyền đạt và bồi dưỡng cảm xúc về cái đẹp. THPTM cũng có hai mặt: cái biểu đạt và cái được biểu đạt. Có điều, cái được biểu đạt của THPTM là ý nghĩa thẩm mỹ, với chức năng thẩm mỹ: thể hiện và bồi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ. Còn cái biểu đạt của THPTM là hợp thể gồm cái biểu đạt và cái được biểu đạt của tín hiệu ngôn ngữ”. Sự chuyển hóa từ tín hiệu ngôn ngữ tự nhiên sang THPTM trong văn chương là sự chuyên hóa về chất. Mối liên hệ giữa THPTM và tín hiệu ngôn ngữ tự nhiên có thể được hình dung qua sơ đồ chuyển hóa tín hiệu sau:

	Cái biểu đạt	Tín hiệu ngôn ngữ	Cái biểu đạt	Âm thanh
			Cái được biểu đạt	Ý nghĩa ngôn ngữ
Tín hiệu thẩm mỹ	Cái được biểu đạt	Ý nghĩa thẩm mỹ		

Sơ đồ liên hệ giữa THPTM và tín hiệu ngôn ngữ tự nhiên (Bùi Minh Toán, 2012).

Như vậy, các công trình trên đã thiết lập khái niệm THPTM trong mối tương quan với khái niệm tín hiệu và tín hiệu ngôn ngữ. Theo đó, THPTM là chất liệu của tác phẩm văn chương. THPTM cũng bao gồm cái biểu đạt và cái được biểu đạt. Cái được biểu đạt chính là các ý nghĩa thâm mĩ, còn cái biểu đạt chính là tín hiệu ngôn ngữ. Rõ ràng tín THPTM là hệ thống tín hiệu thứ cấp là tín hiệu của tín hiệu. THPTM cũng là một loại tín hiệu nhưng mối quan hệ giữa hai mặt trong tín hiệu ngôn ngữ mang tính vô đoán, còn trong THPTM không vô đoán mà mang tính chủ đích. Với mỗi THPTM, cái biểu đạt và cái được biểu đạt luôn gắn liền với một mục tiêu biểu hiện rõ ràng, có định hướng thâm mĩ nhất định.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài tham luận này sử dụng ba phương pháp nghiên cứu cơ bản bao gồm:

Phương pháp thống kê – mô tả được vận dụng để thống kê các THPTM thiên nhiên trong thơ Nôm Nguyễn Trãi. Sau khi khảo sát, người viết phân loại các THPTM thiên nhiên theo các tiêu chí khác nhau từ đó xác lập đặc điểm của mỗi nhóm THPTM.

Phương pháp phân tích ngữ nghĩa được vận dụng để phân tích các câu thơ, ngữ nghĩa của các THPTM trong các văn cảnh khác nhau. Qua đó, bài nghiên cứu chỉ rõ nét độc đáo của Nguyễn Trãi trong việc sử dụng THPTM để khắc họa vẻ đẹp của thiên nhiên và nỗi niềm của tác giả trong mỗi vần thơ.

Phương pháp so sánh được sử dụng để đối chiếu các nhóm THPTM xuất hiện trong thơ Nôm Nguyễn Trãi; so sánh cách sử dụng các THPTM thiên nhiên trong thơ ông với thơ văn trung đại. Từ đó chỉ ra cái độc đáo, cá thể trong việc tạo ra những THPTM thiên nhiên mới lạ trong các sáng tác bằng “Quốc âm”, khẳng định vai trò nền móng của thơ Nôm Nguyễn Trãi trong dòng chảy của văn học chữ Nôm.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Đặc điểm của tín hiệu thâm mĩ thiên nhiên trong thơ Nôm Nguyễn Trãi

Sau khi khảo sát 254 bài thơ chữ Nôm của Nguyễn Trãi (trong *Tổng tập văn học Nôm Việt Nam* (tập 1) của Nguyễn Tá Nhí), người viết đã thống kê được 79 THPTM thiên nhiên với tổng số lần xuất hiện là 679 lần. Tỷ lệ trung bình số lần xuất hiện là 8,6 lần/THPTM. Nội bật nhất là các THPTM: trăng (77 lần), xuân (54 lần), nước (43 lần), thu (38 lần), mai (34 lần), trúc (34 lần), núi (28 lần), chim (28 lần), hoa (26 lần), cây (25 lần), tuyết (21 lần), đông (18 lần) và gió (17 lần)... Từ kết quả thống kê trên, ta thấy các THPTM thiên nhiên như “trăng”, “xuân”, “nước”, “thu”, “mai”, “trúc”... xuất hiện dày đặc vì đó là những hình ảnh quen thuộc, gần gũi với tác giả khi ông lui về quê ở ẩn, vui thú điền viên. Nhà thơ sống giữa thiên nhiên, thiên nhiên vừa là bầu bạn vừa là nguồn thi hứng bất tận. Mỗi THPTM thiên nhiên trong thơ Nôm Nguyễn Trãi đều mang hơi hướng nhà quê mộc mạc, dung dị, thấm thía hồn cốt dân tộc và cả nỗi “ưu thời mẫn thế” của một trái tim lớn, một nhân cách lớn.

Các THPTM thiên nhiên trong thơ Nôm Nguyễn Trãi đa dạng, phong phú. Nhưng tựu chung lại có thể chia thành bốn nhỏ bao gồm: THPTM thực vật, THPTM động vật, THPTM hiện tượng tự nhiên và THPTM vật thể tự nhiên. Những THPTM này lại tồn tại dưới hai dạng là hằng thể và các biến thể.

1. Nhóm THPTM thực vật bao gồm các danh từ gọi tên các loài cây cối, hoa lá trong tự nhiên. Trong thơ Nôm Nguyễn Trãi, có 35 THPTM thực vật, xuất hiện 258 lần trên tổng số 679 lần (trung bình 7,4 lần/THPTM). Trong đó, có các THPTM chung chỉ các loài thực

vật xuất hiện nhiều lần: “hoa” (26 lần), “cây” (25 lần), “cỏ” (13 lần). Các THPTM chỉ bộ phận của các loài thực vật ít xuất hiện hơn như: “cành” (9 lần), “lá” (7 lần), “chồi” (1 lần). Các THPTM chỉ các loài thực vật riêng biệt như: cúc, mai, trúc, thông, liễu,... cũng xuất hiện trong các bài thơ ở *Môn hoa mộc*. Như vậy, các THPTM thực vật biểu thị tên chung như “hoa”, “cây”, “cỏ”, “mai”, “trúc”, “liễu”, “thông”... xuất hiện nhiều vì chúng vốn là những hình ảnh gần gũi, quen thuộc trong thơ ca trung đại gắn liền với các ý nghĩa biểu tượng. Trong khi, các THPTM chỉ bộ phận của thực vật tuy xuất hiện ít hơn nhưng vẫn góp phần tạo nên một bức tranh thiên nhiên phong phú.

Khi khảo sát THPTM thực vật, người viết nhận thấy sự xuất hiện của các tín hiệu về các loài hoa chiếm đa số như: “mai”, “cúc”, “đào”, “mận”, “huệ”, “sen”...; sau đó là các loài thực vật gắn liền với hình ảnh thôn quê: “ngô đồng”, “muồng”, “bèo”, “mùng toi”, “bầu”, “hòe”, “đậu kê”. Lại có cả những THPTM thực vật mang ý nghĩa biểu trưng như “tùng, trúc, cúc, mai”. Các THPTM này không xa lạ trong văn học cổ điển phương Đông. Sự xuất hiện dày đặc của nhóm các THPTM thực vật gắn với thôn quê tạo nên tính cá thể và độc đáo của hình tượng này trong thơ Nguyễn Trãi. Lần đầu tiên trong dòng văn học bác học đương thời những rãnh mùng toi, ngọn núc nác, cánh bèo, rau muồng, bông hòe, cây đậu, hạt kê, cây chuối... được khắc hoạ đầy chất thơ. Sự xuất hiện của chúng đặt những chỉ dấu đầu tiên cho sự manh nha của một dòng văn học mới, dòng văn học chữ Nôm, khác biệt và xa lạ với những trước tác ước lệ, tượng trưng của văn học chữ Hán. Điều đặc biệt nữa là Nguyễn Trãi đã dành rất nhiều thi phẩm trong *Vô đề* và *Môn hoa mộc* miêu tả, cảm nhận thế giới cỏ cây từ những loài tao nhã, sang trọng như lan, như huệ, như cúc, như mai... đến những cây cỏ hiền hoà, bình dị gắn bó với đời sống thường nhật mộc mạc của người thôn quê. Qua hệ thống THPTM thực vật, người đọc như bước vào thế giới hoa cỏ, cây cối thân quen, gần gũi với biết bao người Việt qua lớp lớp thời gian. Vẫn còn đó những hình ảnh thiên nhiên diễm lệ, tao nhã, thanh thoát “hái cúc, ương lan, hương bén áo/ tìm mai, đập nguyệt, tuyết xâm khăn”... nhưng hoà vào đó là một thiên nhiên dân dã đời thường với “ao cạn vớt bèo cấy muồng / đĩa thanh phát cỏ ương sen”. Giữa cỏ cây dung dị, hiền hoá ấy là hình ảnh một lão nông mang phong thái tao nhân, mang cốt cách của một ẩn sĩ chan hoà, hợp nhịp với vũ trụ, đất trời.

2. Nhóm THPTM động vật bao gồm các loại gia súc, gia cầm (như “bò”, “gà”, “trâu”, “heo”...); các loại động vật hoang dã trên cạn (như “hổ”, “cáo”, “sư tử”...) hay dưới nước (như “cá heo”, “cá ngựa”, “sứa”...); thế giới côn trùng (như “bướm bướm”, “chuồn chuồn”, “ruồi”, “ong”...). Trong 254 bài thơ Nôm của Nguyễn Trãi, nhóm THPTM động vật dường như có số lượng ít nhất 19 tín hiệu, xuất hiện 65 lần trên tổng số 679 lần (trung bình 3,4 lần/THPTM).

Như vậy, trong thơ Nôm Nguyễn Trãi, vẫn xuất hiện những THPTM động vật mang ý nghĩa biểu trưng như “nhạn”, “quyên”, “phượng”, “rồng”... Bên cạnh đó, ngay cả những vật nuôi gắn với đời sống hằng ngày của bách tính bình dân, cả những muông thú hoang dã và hơn hết là thế giới côn trùng bé mọn, phù sinh cũng được thi nhân miêu tả chân thực và sinh động qua mỗi vần thơ. Phải đặt những câu thơ “Năm thức phây phây đuôi phượng nở / Tám lòng im im chữ nhàn phong” hay “Bà ngựa gầy thiếu kẻ chăn”... giữa bối cảnh văn hoá, bối cảnh của Văn học Việt Nam thế kỉ XV mới thấy hết sự sáng tạo mạnh mẽ, độc đáo và cá tính của Nguyễn Trãi. Điều đặc biệt hơn nữa là nhà thơ đã dành mục *Môn cầm thú* để khắc hoạ hình ảnh những con vật bé mọn, đời thường như trâu, gà, lợn, ngựa.... Điều này chưa từng có tiền lệ trong văn học cổ điển đương thời.

3. THPTM hiện tượng tự nhiên gọi tên hoặc mô tả các hiện tượng có thể quan sát được trong hiện thực khách quan như “mưa”, “gió”, “bão”... Các THPTM thuộc nhóm này

có 13 tín hiệu, xuất hiện 190 lần trên tổng số 679 lần (trung bình 14,6 lần/THTM). Trong đó, cao nhất có thể kể đến là “xuân” (54 lần), “thu” (38 lần), “tuyết” (21 lần), “gió” (17 lần), “đông” (18 lần) và một số tín hiệu khác như: “mây”, “mưa”, “nắng”, “sương”.... ít xuất hiện hơn. Các THTM ấy thường gắn với cảnh sắc thiên nhiên bốn mùa. Mặc dù ít ỏi nhưng chúng có tần số xuất hiện lớn trở thành các biểu trưng nghệ thuật trong thơ Nôm Nguyễn Trãi, mang thông điệp về tuần hoàn của vạn vật, của vũ trụ. Mưa, gió, tuyết, sương... như là những gập ghềnh trắc trở của kiếp nhân sinh hạn hữu đặt trong cái vô hạn vô hồi của tạo hoá.

4. Nhóm THTM vật thể tự nhiên dùng để gọi tên các sự vật tự nhiên như “núi”, “sông”, “biển”, “mây”... Trong thơ Nôm Nguyễn Trãi, các THTM thuộc nhóm này có số lượng ít nhất với 12 tín hiệu, xuất hiện 166 lần (trung bình 13,8 lần/tín hiệu). Trong đó có những tín hiệu có tần số cao như: nguyệt (67 lần); nước (43 lần); non (23 lần); trăng (10 lần); đất (5 lần)... cùng với một số tín hiệu khác như: suối, đìa, ao... ít xuất hiện hơn. Những vật thể tự nhiên này mở ra nhiều biên độ, chiều kích của không gian: khi thì lớn lao, kì vĩ, mênh mông vô tận như bầu trời, vũ trụ và hàng hà tinh tú; khi thì thu hẹp lại ở một ao nhỏ thả bèo, một đìa nước trong phát cỏ ương sen; lúc biểu trưng cho sự kì vĩ, lớn lao, vĩnh hằng; lúc lại biểu tượng cho những điều bé mọn, nhỏ nhoi, tù đọng...

Trong các THTM vật thể tự nhiên, những tín hiệu xuất hiện nhiều nhất như: “trăng”, “non”, “nước” biểu trưng cho sự trong sáng, thanh cao, tinh khiết. Con người khi đứng dưới ánh sáng dịu dàng của trăng, trước sự vững chãi của núi và giữa sự mát lạnh mềm mại của dòng nước sẽ cảm thấy tâm hồn mình như được gột rửa, trở nên thuần khiết, tinh khôi. Thiên nhiên chính là môi sinh, ở đó Nguyễn Trãi được hòa mình vào thế giới bao la, rộng lớn. Thiên nhiên cũng là thi hứng. Thiên nhiên vừa là khách thể vừa là chủ thể. Sự xuất hiện của “trăng” và “nguyệt” vừa hằng thể vừa biến thể, vừa là bầu bạn tâm giao của khách thơ vừa là nhân vật trữ tình... đã tạo nên một biểu tượng trăng bàng bạc, vừa xa vừa gần, vừa cổ kính vừa dung dị, riêng rất riêng trong thơ Nguyễn Trãi.

Có thể thấy rằng THTM thiên nhiên xuất hiện dày đặc, dường như gần 80% số lượng bài thơ trong *Quốc âm thi tập* chứa đựng hình ảnh thiên nhiên. THTM ấy trong thơ Úc Trai mang vẻ đẹp dung dị, gần gũi nhưng cũng giàu giá trị biểu đạt. Thiên nhiên là thi hứng, thiên nhiên là bạn hữu và thiên nhiên là thông điệp của tâm hồn, của triết lí nhân sinh.

Bốn nhóm THTM thiên nhiên lại xuất hiện dưới hai dạng thức: hằng thể và các biến thể. THTM hằng thể là dạng thức tồn tại của các tín hiệu dùng để biểu đạt các ý nghĩa ngôn ngữ tự nhiên vốn có của từ ngữ. Còn các THTM biến thể được xác lập dựa vào giá trị biểu đạt sâu xa mà tín hiệu thiên nhiên đó mang lại, các tầng ý nghĩa tiềm ẩn mà tác giả gửi gắm trong những tín hiệu mang lớp vỏ của hình ảnh thiên nhiên. Nhận diện sự khác biệt giữa ý nghĩa biểu trưng và ý nghĩa tự nhiên thông thường của tín hiệu chính là căn cứ quan trọng để xác lập các THTM biến thể hay hằng thể. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng số liệu thống kê ở hai nhóm phân loại này chỉ mang tính tương đối bởi vì trong cùng một tín hiệu thiên nhiên, nó xuất hiện với tư cách hằng thể ở ngữ cảnh này nhưng lại là biến thể trong văn cảnh khác.

Các tín hiệu thiên nhiên xuất hiện dưới dạng là THTM hằng thể chiếm tỉ lệ khá cao với 68 tín hiệu, xuất hiện là 573 lần. Có thể lí giải điều này từ vai trò là chất liệu của ngôn ngữ trong sáng tác văn chương. Ngược lại, tín hiệu thiên nhiên xuất hiện dưới dạng các THTM biến thể ít hơn chỉ có 11 tín hiệu với 106 lần xuất hiện. Sở dĩ như vậy là do thuộc tính của văn học cổ vốn giàu tính ước lệ nên giá trị biểu tượng của các THTM thường rất đa dạng. THTM “trăng” - “nguyệt”, “non” - “núi” có thể xem là những minh chứng điển hình cho sự khác biệt độc đáo giữa các THTM hằng thể và biến thể trong thơ Nôm Nguyễn Trãi.

THTM “nguyệt” xuất hiện 67 lần, trong khi “trăng” chỉ xuất hiện 10 lần. “Nguyệt” gắn liền với không gian thanh tĩnh, cổ điển làm nền cho nhân vật trữ tình thanh nhã, thoát tục. Còn “trăng” lại hiện lên là người bạn tri âm, tri kỉ, là nơi gửi gắm nỗi niềm của ẩn sĩ cô đơn. Đó có thể là một đêm trăng tĩnh lặng, đêm trăng đi tìm mai để bầu bạn. Trăng soi rọi khắp nẻo đường khiến tác giả cứ ngỡ mình đạp lên trăng “tìm mai đạp nguyệt tuyết xâm khăn”. Đó có thể là không gian tràn ngập ánh trăng “nguyệt trong đáy nước, nguyệt trên không”. Trên trời cao rộng hay dưới nước sâu thẳm đều có trăng, trăng bằng bạc, trăng xâm lấn vũ trụ nhưng vẫn là vàng trăng hô ứng, vàng trăng không đơn lẻ. Chỉ có mặt khách, ẩn sĩ là đơn độc giữa chốn nhân gian đầy bóng trăng huyền diệu, uyên ảo. Trăng mang đến cảm giác giao hoà với đất trời vạn vật nhưng cũng khiến thi nhân thấm thía nỗi cô đơn của kiếp người.

Nguyễn Trãi luôn dành một tình yêu đặc biệt cho cỏ cây, hoa lá, chim muông... Ông luôn sợ sẽ vô tình làm mất đi vẻ đẹp mong manh, làm tiêu tan sự sống của mỗi ngọn cỏ, lá cây quanh mình. Vì vậy, nhà thơ luôn nâng niu, giữ gìn thiên nhiên như tạo hoá đã ban “địa tham nguyệt hiện chãng buông cá - Rừng tiếc chim về ngại phát cây”. Thi nhân trân trọng thiên nhiên, tận hưởng cuộc sống ẩn dật giữa nơi thiên - địa - nhân giao hoà. Hình ảnh “đêm thanh hớp nguyệt nghiêng chén” in đậm dấu ấn của cả nghìn năm văn học cổ điển phương Đông. Câu thơ như một nét vẽ tinh tế, tài hoa vừa hoạ không gian vừa hoạ con người. Không gian đẹp cái đẹp sang trọng, cổ kính, mang phong vị Đường thi vừa tĩnh vừa tinh. Con người mang cốt cách tiêu dao, tự tại, thoát tục, thanh cao. Đường như chỉ còn con người với gió trăng, với trời đất mệnh mang, con người hoà vào cái vô biên của vũ trụ.

Tín hiệu “non” là biến thể của tín hiệu “núi”. Khi xuất hiện trong *Quốc âm thi tập*, nó không chỉ mang ý nghĩa là sự cao lớn, rộng dài, kì vĩ, biểu trưng cho mang sự hoang vắng, sự trường cửu, (“Non hoang tranh vẽ chập hai ngàn”). Mà còn là một hoán dụ chỉ nơi ở của các tu sĩ, của người sống ẩn cư “bói ở lần tìm non Tạ Phó”, “non cao Bạch Thạch nào đòi chuyễn”.. Những bậc trí giả lánh đục tìm trong thường an cư tại nơi non cao rừng thẳm, thâm sơn cùng cốc, xa rời thế tục, nhân sinh trở về với thiên nhiên, với bản ngã tự nhiên của con người. Chính vì vậy, trong thơ Nguyễn Trãi, non còn là bạn hữu, là cố nhân của thi nhân, là nơi trở về nương náu, cư ngụ cả thân xác lẫn tâm hồn “còn một non xanh là cố nhân”. Nếu “đêm thanh hớp nguyệt nghiêng chén” là bức mỹ hoạ về người và cảnh, trong cảnh có người, người tan trong cảnh thì câu thơ trên lại là tuyên ngôn, triết lí sống của người ẩn sĩ rời bỏ mọi đua tranh để về với “non xanh” với tự nhiên, bầu bạn với thiên nhiên.

Có thể nói rằng thiên nhiên trong thơ Nguyễn Trãi mang rất nhiều sắc thái. Có lúc thiên nhiên hiện lên là bức tranh cảnh vật với cỏ cây, hoa lá, chim muông, với mưa gió, tuyết sương, với núi cao, sông dài, với gió mát, trăng thanh... Một thiên nhiên chân thực, có tĩnh, có động, có rạo rức sinh sôi, có tĩnh tại, tan biến... có âm thanh, có hương sắc... Nhưng có khi, tác giả dùng thiên nhiên để nói về cuộc đời, về lí tưởng “vì nước vì dân” mà suốt đời ông theo đuổi, về nỗi ưu thời mãn thế vẫn canh cánh, khôn nguôi trong trái tim và khối óc Nguyễn Trãi dù đã về với “non xanh” để có “cố nhân”. Tác giả đã sử dụng một phong cách thơ giản dị, mộc mạc, gần gũi với lời ăn tiếng nói của người bình dân để khắc hoạ một thiên nhiên vừa cổ điển, sang trọng vừa phá cách, đời thường. THTM thiên nhiên trong thơ Nôm Nguyễn Trãi vừa gắn với thuộc tính quy phạm, ước lệ của văn học trung đại vừa sáng tạo, mới mẻ đặt nền móng cho một dòng văn học bình dân hình thành và phát triển rực rỡ ở giai đoạn sau. THTM thiên nhiên đa dạng nhưng có thể xếp vào các nhóm nhỏ, mỗi nhóm lại mang những đặc điểm riêng; bất kể là THTM hằng thể hay biến thể thì tất cả đều làm nổi bật phong vị thơ Nôm Nguyễn Trãi trong dòng chảy miên viễn của văn học cổ điển phương Đông.

3.2. Giá trị biểu đạt của tín hiệu thẩm mỹ thiên nhiên trong thơ Nôm Nguyễn Trãi

3.2.1. Tín hiệu thẩm mỹ thiên nhiên - bức tranh tứ bình diễm lệ mà bình dị

Trong thơ Nôm Nguyễn Trãi, THPTM thiên nhiên rất đa dạng có thực vật, có động vật, có hiện tượng tự nhiên... Chúng có thể tồn tại dưới dạng các tín hiệu hằng thể hay biến thể. Nhưng rõ ràng, THPTM thiên nhiên vừa là yếu tố thẩm mỹ vừa phương tiện để thể giới quan, nhân sinh quan của tác giả. Nhà thơ khắc hoạ thiên nhiên trong dòng chảy không ngừng nghỉ của thời gian, sự tuần hoàn vô hạn vô hồi của tạo hoá, và sự đổi thay nhân sinh, thế sự. Vòng tuần hoàn ấy bắt đầu bằng xuân rồi sang hạ, qua thu, đến đông. Mùa xuân là mùa của sự tái sinh, sự khởi đầu mới, mang đến sức sống căng tràn, tròn đầy nhưng cũng là mùa chứa những ưu tư trăn trở, những sự tiếc nuối về cuộc đời. Mùa hè là mùa cái nóng oi bức, nhưng cũng là mùa sự sôi động, náo nhiệt. Mùa thu dịu dàng, trầm lắng với những suy tư, chiêm nghiệm về cuộc đời, là mùa mang nỗi buồn thâm kín. Mùa đông, mùa của cái lạnh tê tái, cảnh vật chìm trong tiêu điều, tàn tạ, hoang sơ, tĩnh lặng. Các THPTM thiên nhiên được Nguyễn Trãi chắt chía, tạo tác, tô vẽ, để hoạ nên một bức tứ bình diễm lệ có hoa lá, cỏ cây, có muông thú, có gió mát, trăng trong đậm chất cổ điển sang trọng, tinh tế nhưng vẫn mang hồn cốt, hơi thở của dân tộc Việt trong những hình hài thiên nhiên đời thường, dung dị, mộc mạc, thôn quê.

Đầu tiên, mùa xuân là mùa xuân của sự tươi mới, sự bắt đầu của vạn vật sinh sôi nảy nở “Chim kêu hoa nở ngày xuân tạnh” - “Cây đến ngày xuân lá tươi” “Xuân đến tự nhiên mọi vật tươi”... Những câu thơ khắc chạm một mùa xuân xôn xao hương sắc, rạo rực sự sống, căng tràn sức sống hoà lẫn với cảm giác hân hoan, tươi mới của nhân vật trữ tình. Mùa xuân hiện lên qua những hình ảnh ước lệ tượng trưng của những mai, những nhạn đã quá quen thuộc trong văn chương trung đại. Nhưng mùa xuân được miêu tả qua hình ảnh cây chuối quả thực là vô tiền khoáng hậu: “Tự bén hơi xuân tốt lại thêm - Đầy bông lạ mùi thơm đêm - Tình thư một bức phong còn kín - Gió nơi đâu gượng mở xem” (*Ba tiêu*). Nguyễn Trãi đã miêu tả mùa xuân qua một loài thực vật không hề kén đất, đất dù có khô cằn cách mấy, sỏi đá bao nhiêu thì nó vẫn xanh tốt: “Tự bén hơi xuân tốt lại thêm”. Cây chuối lúc nào cũng xanh tươi, giờ lại còn có thêm mùa xuân về khiến cây thêm tươi tốt bội phần. Dưới khí trời tươi mát, những hoa chuối đã đậu thành trái đầy bông toả mùi hương thơm ngọt “thơm đêm”. Tác giả miêu tả mùa xuân trong sắc độ tràn đầy của cây chuối, trong thời kì tốt tươi, trưởng thành, sung mãn. Khoảnh khắc quan sát những cây chuối xanh tràn sức sống ấy, nhìn đọt chuối non cuộn tròn lại khiến nhà thơ tưởng tượng chúng như một bức thư tình còn đang được phong lại kín đáo, bí mật: “Tình thư một bức phong còn kín”. Và khi gió đến những nõn chuối non tựa như được mở ra như một tình lang/ tình nương đang hồi hộp mở bức thư ẩn giấu biết bao tâm sự, biết bao luyến ái. Bài thơ miêu tả cây chuối đón xuân đến tăng phần tốt tươi, thêm sự mới lạ nhưng lại mang đến cho người đọc nhiều xúc cảm thẩm mỹ. Đó không còn là mùa xuân riêng của đất trời, xuân của sự sống, của sự sinh sôi nảy nở mà còn là xuân của lòng người, xuân của tuổi trẻ và xuân của lứa đôi. “Cây chuối” được xem là khúc tình thi, mang luồng gió mới, hơi thở mới, hơi thở của những điều bình dị, thân thuộc nhưng đang cuộn cuộn chảy trong triệu kiếp nhân sinh vào trong văn học trung đại một cách tự nhiên, tinh tế.

Mùa xuân càng đẹp, càng thắm, càng tươi thì thi nhân càng muốn níu giữ vẻ đẹp ấy, sức sống ấy của vạn vật, muôn loài. Nếu với những thi nhân khác, mùa xuân đúng nghĩa là mùa của sự bắt đầu, của thiên nhiên rực rỡ đầy màu sắc, thì với Nguyễn Trãi, mùa xuân lại là thời điểm để khơi gợi những cảm nghĩ, những suy tư sâu lắng về cuộc đời trong vòng trôi miên viễn vô hạn của tạo hoá: “Dắng dỏi bên tai tiếng quản huyền - Lòng xuân nhần động ắt khôn bền - Xuân xanh chưa dễ hai phen lại - Thấy cảnh càng thêm tiếc thiếu niên”.

Vẫn là xuân nhưng không còn là mùa xuân của hoa lá, chim muông kêu hót rộn ràng. Mùa xuân được cảm nhận qua thanh âm, qua trực giác qua những rung cảm xao xuyến của thi nhân. “Quản huyền” - một loại đàn, thường mang âm hưởng du dương, trầm lắng gieo vào lòng người cảm xúc xao xuyến, băng khuâng. Âm thanh tiếng đàn vang bên tai trong không khí mùa xuân khiến cho tác giả nhận thấy thời gian trôi nhanh. Vũ trụ tuần hoàn, thiên nhiên bốn mùa thay lá duy chỉ có con người tuổi trẻ xuân xanh một đi không bao giờ trở lại. Mùa xuân vốn là biểu tượng của hi vọng, nhưng ở đây lại trở thành tấm gương phản chiếu sự hữu hạn của đời người, khiến ta tiếc tuổi xuân: “Thấy cảnh càng thêm tiếc thiếu niên”. Câu thơ chất chứa nỗi lòng của tác giả khi thấy cảnh xuân càng thêm luyến tiếc tuổi trẻ, luyến tiếc thời thiếu niên. Không phải đợi đến thơ ca hiện đại, khách thơ mới thấm thía “rừng xuân vẫn tuần hoàn – Nhưng tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại”, mà Nguyễn Trãi cách đây năm trăm năm có lẽ đã nhìn thấu sự vô hạn của thời gian và sự hữu hạn của đời người, đã thấy rõ trong sự tuần hoàn của vũ trụ thì kiếp nhân sinh là tuyến tính. Chính vì vậy, mùa xuân trong thơ ông thật đẹp, rạo rực, xôn xao tràn đầy sức sống, sức trẻ nhưng cũng đong đầy một sự tiếc nuối, muốn níu kéo mãi tuổi xuân: “Ba bảy mươi nào luống nhọc thân - Được thua đã biết sự vân vân - Chớ cười hiền trước rằng đại - Cầm đuốc chơi đêm bởi tiếc xuân”. Nhà thơ đã tự chiêm nghiệm về những thăng trầm của cuộc đời, không còn quá bận tâm sự được thua ở đời vì hơn ai hết ông thấu hiểu ấy là “sự vân vân” cũng chỉ là phù vân, hư ảo. Nhưng ở đây chớ nên cười chê các bậc tiền bối xưa khờ dại “cầm đuốc chơi đêm”. “Cầm đuốc chơi đêm bởi tiếc xuân” là một hình ảnh rất thơ và giàu tính biểu tượng, thể hiện tinh thần hiện sinh. Nó không chỉ diễn tả nỗi tiếc nuối vẻ đẹp mong manh của thời gian, mà còn là biểu tượng cho thái độ sống tích cực, bản lĩnh và tinh thức – rất đặc trưng cho tư tưởng nhân sinh của Nguyễn Trãi.

Tinh thần hiện sinh của Nguyễn Trãi còn được thể hiện qua một số bài thơ xuân khác như “Tiệc xuân cầm đuốc mảng chơi đêm - Những lệ xuân qua tuổi tác thêm”. Bài thơ này lại tiếp tục lặp lại việc “tiệc xuân cầm đuốc chơi đêm” để níu kéo tuổi xuân ở lại, nhưng ai cũng sẽ biết rõ thời gian không bao giờ đứng im. Xuân đến rồi xuân qua, mỗi lần xuân qua tuổi tác ngày càng cao, trời đất vào xuân thì thay áo mới, nhân sinh xuân qua chẳng trở lại bao giờ. Thời gian trôi đi không ngừng, mỗi mùa xuân qua là một dấu mốc nhắc nhở về sự phai tàn của tuổi trẻ, phai pha của đời người. Hình ảnh “tiệc xuân cầm đuốc chơi đêm” như một thông điệp nhân sinh mà Nguyễn Trãi muốn gửi gắm. Đời người hữu hạn, tuổi xuân không phải vô hạn vô hồi nên hãy sống trọn vẹn, sống ý nghĩa trong từng khoảnh khắc, không lãng phí thời gian, tuổi trẻ giống như dầu ngày đã tàn thì hãy thấp đuốc chơi đêm vì “mùa xuân đã cạn ngày”.

Nếu xuân trong thơ Nôm Nguyễn Trãi là mùa của sự khởi đầu, của sức sống căng đầy, viên mãn và của cả sự chiêm nghiệm nhân sinh thì mùa hè lại được khắc họa trong sự sôi động, rộn ràng. Bức tranh mùa hè được nhà thơ miêu tả bằng những nét vẽ vừa ước lệ, tượng trưng điển hình của thơ ca trung đại vừa đời thường, mộc mạc dân quê: “Vì ai cho cái đỗ quỳên kêu - Tay ngọc dùng dâng chỉ biếng thêu - Lại có hờ hoa chen bóng lục”. Nguyễn Trãi dùng trọn một bài thơ để miêu tả cảnh mùa hè nhưng ở đây lại không tập trung miêu tả vẻ đẹp rực rỡ của mùa hè hay sự nóng bức oi ả của thời tiết. Thay vào đó, cảnh mùa hè gợi lên một không gian tĩnh lặng, có chút buồn man mác và sự tiếc nuối âm thầm về mùa xuân đã qua đi. “Đỗ quỳên kêu” là biểu tượng thường dùng để chỉ mùa hè trong văn học cổ điển. Chim đỗ quỳên còn biểu tượng cho tâm trạng hoài vọng cố hương, cố quốc da diết, khôn nguôi; tượng trưng cho sự li biệt, nhớ thương khắc khoải... Tiếng đỗ quỳên xuất hiện đầu tiên trong bài thơ tả cảnh mùa hè đã tạo ra một cảm xúc trầm lắng, hoài vọng. Không chỉ có tiếng chim đỗ quỳên mà hình ảnh hoa hòe cũng rất

quen thuộc trong bức tranh mùa hạ trong thơ ca trung đại. Hình ảnh hoa hòe xen lẫn với những bóng cây xanh cùng với tiếng chim quyên khắc khoải đã họa nên một bức tranh thiên nhiên mùa hè đương độ mang phong vị của thơ ca trung đại.

Bảo kính cảnh giới 43 là một trong những bài thơ sử dụng rất nhiều THTM thiên nhiên để miêu tả bức tranh ngày hè vừa mang đậm màu sắc trung đại vừa mang hơi thở của dòng văn học bình dân. Nếu các THTM “thạch lựu”, “hoè lục”, “hồng liên” là những biểu trưng quen thuộc của mùa hè đã gợi nên những nét chấm phá ước lệ của văn học cổ thì hình ảnh “chợ cá làng ngư phủ”, tiếng “cầm ve dặng dỏi” lại mang hình hài của những chất liệu thôn quê dân dã, mộc mạc, bình dị. Hai nét vẽ ấy đã họa nên một khung cảnh mùa hè rực rỡ màu sắc, tràn ngập âm thanh. Vạn vật vào hè dường như sôi động, rộn ràng căng tràn sức sống cái sức sống của độ trưởng thành, đầy đặn, sinh sôi khác với sức sống mầm nụ của mùa xuân mang lại. Có lẽ lần đầu tiên trong thơ ca trung đại những âm thanh vang vọng của cuộc sống lao động thường nhật hay tiếng kêu của lũ côn trùng bé mọn, phù sinh được đưa vào trong thơ tạo nên một nét riêng độc đáo mới lạ cho thơ Nôm Nguyễn Trãi.

Trong bốn mùa, có lẽ mùa thu là mùa của thi ca. Mùa thu trong thơ Nguyễn Trãi cũng vậy. Điều đặc biệt, mặc dù “xuân”, “thu” là hai mùa thường được tác giả biểu trưng cho thời gian nhưng nhà thơ thường dùng “xuân” để biểu thị cho thời gian tuổi trẻ, thời gian đời người (điều này rất ít gặp trong văn học trung đại). Còn “thu” lại tượng trưng cho sự chảy trôi của thời gian, năm tháng nói chung: “Trường ốc ba thu uống mỡ danh”, “Đã mấy thu nay để lệ nhà”, “Nước mấy trăm thu vẫn vậy/ Nguyệt bao nhiêu kiếp nhẫn này”...

Mùa thu trong thơ Nguyễn Trãi cũng mang hình hài dáng vẻ riêng, vừa quen vừa lạ trong văn học cổ điển. Thu hiện lên trong những nét chấm phá tinh tế, tượng trưng: “Hầu nên khôn lại tiếc khuâng khuâng - Thu đến đêm qua cảm và mừng - Một tiếng chày đầu đêm cối nguyệt - Khoan khoan những lệ ác tan vừng”. Mở đầu là một câu chốt chứa sự trăn trở nội tâm “hầu nên khôn” cho thấy sự trưởng thành trong tư tưởng nhưng lại “tiếc khuâng khuâng”. Khi đã hiểu thấu thế sự, nhân sinh nhưng lòng vẫn không khỏi tiếc nuối những điều đã mất, không khỏi chiêm nghiệm về những điều đã qua, không khỏi tiếc luyến ngày xanh, tuổi trẻ. Nhưng “Thu đến đêm qua cảm và mừng”. Câu thơ chuyển mạch sang miêu tả mùa thu đến một cách tự nhiên và nhẹ nhàng. Đêm qua, mùa thu đến gợi biết bao cảm xúc vừa cảm động, vừa vui mừng. Thể hiện tâm thế của người ẩn sĩ luôn sống chan hòa với thiên nhiên và nhạy cảm trước sự thay đổi của trời đất. “Một tiếng chày đầu đêm cối nguyệt” là hình ảnh thơ vừa thực vừa mộng khiến người đọc liên tưởng đến một không gian tràn ngập ánh trăng, trăng chảy tràn cả vào trong chiếc cối tạo nên một không gian liêu trai huyền diệu. Nhưng âm thanh của tiếng chày khía lại rất thực, rất đời. Câu thơ gợi một không gian đêm yên tĩnh, với âm thanh vang lên gợi buồn, như một tiếng vọng từ quá khứ, từ nỗi nhớ, từ lòng người u hoài. Câu cuối mang hơi hướng triết lí lắng nghe âm thanh rất thực rất đời trong một đêm thu vừa thực vừa ảo, khiến nhà thơ thấy tâm hồn mình dịu lại, ông mong mỏi những khổ đau của thế gian này tan biến đi để ai cũng có thể dọn lòng mình đón nắng mai “lệ ác tan vừng”. Như vậy, bài thơ đã khắc họa một bức tranh thu tinh tế trong trẻo, huyền diệu, u hoài và nhân vật trữ tình cũng chất chứa nhiều suy tư. Đây chính là mạch nguồn cảm xúc thường gặp trong hầu hết các bài thơ Nôm của Nguyễn Trãi.

Một điểm đặc biệt khác trong bức tranh thu của Úc Trai chính là cảnh vật mùa thu không tàn lụi, hoang tịch, cô liêu như thu trong thi họa cổ: “Nào hoa chẳng bén khí đầm hâm - Có mấy bầu sương nhụy mới đầm - Trùng cửu chớ hiềm thu đã muộn - Cho hay thu muộn tiết càng thơm”. Bài thơ miêu tả “cúc” (biểu tượng của mùa thu) nhưng không mang sự lụi tàn, hiu hắt mà là sức sống tiềm ẩn và vẻ đẹp đặc biệt của thiên nhiên trong khoảnh

khắc mặt thu. “Nào hoa chẳng bén khí đầm hâm” - loài hoa nào cũng nở khi gặp tiết trời ấm áp. Nhưng ở mùa thu vẫn có loài hoa cúc nở không giống những loài hoa khác, dù đã cuối thu, hoa cúc vẫn đón nhận được những dư âm ấm áp để tiếp tục sinh trưởng và bung nở khoe sắc thắm của chính mình. Những bầu sương giá lạnh của mùa thu càng làm cho nhụy cúc nảy nở, sinh sôi. Điều này thể hiện một sức sống bền bỉ, không khuất phục trước sự khắc nghiệt của thời tiết. “Cho hay thu muôn tiết càng thơm” câu thơ như lời khẳng định giá trị đặc biệt của loài hoa này. Dù đất trời đã vào cuối mùa thu nhưng với hoa cúc lại là thời điểm đẹp nhất, rực rỡ nhất, viên mãn nhất. Tiết trời cuối thu là thời điểm mà hương thơm của cúc càng trở nên nồng nàn, quyến rũ. Thu trong thơ Nguyễn Trãi không chỉ là thu của sương bạc, trăng ngàn như mùa thu của thi nhân muôn thuở mà còn có một mùa thu vẫn dồi dào nhựa sống, đầy đặn hương thơm và mỹ sắc. Sương gió của mùa thu càng làm cho thiên nhiên thêm đượm, thêm muôi cũng như con người thi nhân không khuất phục đâu phải trải qua biết bao đục trong, hung hiểm của thế sự, nhân tâm.

Bức tranh tứ bình trong thơ Nguyễn Trãi mang một màu sắc và hương vị riêng biệt, xuân gieo mầm sự sống, hạ nảy nở sinh sôi, thu gặt hái, thu lượm còn đông ủ mầm để đợi xuân sang. Đông vẫn lạnh lẽo tái tê với gió sương, mưa tuyết. Nhưng mùa đông trong *Quốc âm thi tập* còn là chất lửa để thử vàng. Cái khắc nghiệt của đất trời càng làm cho những thân thông thân tùng trở nên mạnh mẽ, cứng cỏi, vững vàng, chắc chắn: “Thu đến cây nào chẳng lạ lòng - Một mình lạt thuở ba đông - Lâm tuyền ai rặng già làm khách - Tài đồng lương cao át cả dùm”.

Bức tranh thiên nhiên mùa đông trong thơ Nguyễn Trãi gắn liền với hình ảnh cây tùng. Hình ảnh ấy không chỉ là tín hiệu của mùa đông mà còn mang ý nghĩa biểu trưng cho người quân tử, cho ý chí nam nhi cho hoài vọng giúp dân trợ nước. Tùng là loài cây thân gỗ, hình dáng bên ngoài cứng cỏi, khẳng khiu. Loài cây này có khả năng chịu đựng được thời tiết khắc nghiệt “Tuyết sương thấy đã đọng nhiều ngày”. Trong mọi hoàn cảnh, dù thời tiết có khắc nghiệt thì vẫn “một mình lạt thuở ba đông”. Chỉ mới sang thu mọi loài cây đều úa vàng rụng lá nhưng cây tùng vẫn trụ vững nơi đất sỏi khô cằn, vẫn hiên ngang bất khuất giữa trời trước gió tuyết mua sương của mùa đông. “Cội rễ bền đay chẳng động” vẫn vững vàng, kiên định mặc cho ngoại lực mặc sức lay. Tất cả những phẩm chất của cây tùng khiến độc giả liên tưởng đến người quân tử ví như tùng bách luôn bền bỉ, kiên cường, bất khuất, giữ trọn khí tiết thanh cao. Bức tranh mùa đông với hình ảnh cây tùng sừng sững mặc tuyết sương nhiều ngày, mặc thuở ba đông biểu trưng cho hình ảnh người quân tử có trải qua bao vùi dập gió sương, bao “cực hiểm thay” của nhân tâm thế sự thì vẫn luôn một tác lòng son “để trợ dân này”. Cây tùng như chính con người của Nguyễn Trãi thấu tỏ lòng người, nhận thức sâu sắc về “được thua đã biết sự vân vân” và ngộ giác “Ngoài chung mọi chốn đều thông suốt – Bui một lòng người cực hiểm thay”, dấu đã tìm về với “non xanh là cố nhân” nhưng tác lòng son vẫn luôn “ưu thời mãn thế” vẫn “một tác lòng ưu ái cũ – đềm ngày cuộn cuộn nước triều đông”.

Dưới ngòi bút tài tình của Nguyễn Trãi, THTM thiên nhiên đã dệt nên một bức tranh tứ bình diễm lệ mà dân dã bình dị. Diễm lệ bởi sự xuất hiện của hàng loạt các THTM thiên nhiên mang tính biểu trưng cho mỗi mùa với những mai, đào, lan, huệ, chim nhạn, chim quyên, trăng nguyệt, gió sương... bởi lối viết tả cảnh ngụ tình. Bình dị bởi sự diễm xuyết của những THTM thiên nhiên bình dị, đời thường, mộc mạc gắn bó với lao động mưu sinh của người bình dân như hình ảnh cây chuối, như âm thanh chợ cá giữa ngày hè, như tiếng côn trùng bé mọn dặng dỏi... bởi những cảm thức rất thực rất đời của thi nhân giữa khung cảnh thiên nhiên ấy.

3.2.2. Tín hiệu thẩm mỹ thiên nhiên - cố nhân của người ẩn khách

THTM thiên nhiên trong thơ Nôm Nguyễn Trãi không đơn thuần là thiên nhiên của đất trời, vạn vật gắn với bốn mùa xuân - hạ - thu - đông mà còn được nhân hoá trở thành cố nhân, trở thành nhân vật trữ tình để nhà thơ kí thác nỗi niềm và triết lí nhân sinh.

Thiên nhiên trước hết là không gian sống ẩn dật của nhà thơ. Ước Trãi đã chọn lui về quê sống hòa mình với thiên nhiên để tìm kiếm sự yên bình, an nhàn sau những tháng ngày ở chốn quan trường: “Ngại ở nhân gian lưới trần - Thì nằm thôn dã miễn yên thân”. “Nhân gian lưới trần” là hình ảnh ẩn dụ cho cuộc sống nơi quan trường đầy sự ràng buộc, bon chen, tranh giành danh lợi và thị phi. Chúng như một cái lưới trần tục giăng ra để trói buộc con người. Nên ông đã chọn tránh xa khỏi vòng xoáy đó, xa lánh những bon chen, chọn “thôn dã” là chốn quê nhà để được sống một cuộc sống yên bình, tự tại. Nhà thơ dựng một “Con lều mọn mọn cách hồng trần - Vắng vắng tư mùa những bạn thân”, sống trong một không gian đơn sơ, thanh bạch, “vắng vắng”. Vì hơn ai hết, Nguyễn Trãi thấu hiểu “Công danh đã thuận hợp về nhân – Lành dữ âu cho thế nghị khen” thì chọn về “quê cũ ưa làm chủ cúc thông”... Những vần thơ ấy không chỉ khắc hoạ không gian sống nơi thôn dã tịch liêu, đơn sơ, đạm bạc mà còn là tuyên ngôn sống của người ẩn khách. Nhà thơ chọn rời xa nhân gian lưới trần để về “quê cũ” bầu bạn với “cúc thông”.

Trong *Quốc âm thi tập*, thiên nhiên hiện diện không đơn thuần như một phong nền tĩnh tại cho đời sống ẩn dật, mà thực sự mang vóc dáng một người bạn tinh thần, một cố nhân tri kỉ. Sự giao hòa giữa con người và cảnh vật không chỉ biểu hiện ở sự hòa nhập, mà còn ở cảm thức “nhân linh” khi thiên nhiên được nhìn nhận như một đối tượng có thể lắng nghe, thấu hiểu, đồng điệu với tâm hồn kẻ sĩ. Những câu thơ: “Trúc mai chẳng phụ lòng quân tử - Vượn hạc đã quen bạn dật dân - Hải cú ương lan hương bén áo - Tìm mai đập nguyệt tuyết xâm khăn” hay “Ao cạn vớt bèo cấy muống - Đìa thanh phát cỏ ương sen - Kho thu phong nguyệt đầy qua nóc - Thuyền chở yên hà nặng vậy then” ... đã khắc hoạ hình ảnh một ẩn sĩ mang phong thái như một khách tiên tao nhã, ung dung tự tại giao hoà với thiên nhiên, sống giữa thiên nhiên bình dị mộc mạc nhưng cũng đầy chất thơ. Hàng loạt hình ảnh “trúc mai”, “vượn hạc”, “hải cú”, “tìm mai”,... cho thấy sự gắn bó thân thiết giữa nhà thơ và cảnh vật. Các biểu tượng ấy không chỉ là hình ảnh ước lệ của giới ẩn sĩ, mà còn được nhà thơ nhân hóa, nâng lên thành những thực thể có tri giác. Đặc biệt, câu kết “Còn một non xanh là cố nhân” là tuyên ngôn thẩm mỹ sâu sắc và cô đọng: thiên nhiên chính là người bạn còn lại duy nhất, là cố nhân không thay lòng đổi dạ giữa cuộc đời biến động. Thiên nhiên là bạn hữu, thiên nhiên là cố nhân.

Tư tưởng ấy được lặp lại với giọng điệu thiết tha trong bài thơ khác: “Trượng phu non vắng là tri kỉ - Tiên khách nguồn im ấy cố nhân - Mây của yêu đương đã chiếm được - Lại mong chiếm cả hết hòa xuân”. Thiên nhiên – ở đây là “non vắng”, “nguồn im” – được nhân cách hóa như một bầu bạn tri kỉ của trượng phu. Khi thời thế đổi thay, lòng người khó lường, thì chỉ có thiên nhiên là chốn yên ổn để người quân tử gửi gắm tình cảm và đạo lí. Với Nguyễn Trãi, mối giao cảm giữa người và cảnh không chỉ mang tính chất đạo đức (lựa chọn sống thanh đạm, hòa cùng thiên nhiên) mà còn là sự tương thông về tinh thần. Có thể nói, thiên nhiên trong thơ ông đã đạt tới mức tri âm – tri kỉ, như một bạn đồng hành, một chứng nhân sống động cho tâm hồn cao khiết và trầm lắng của người ẩn sĩ.

Không chỉ là người tri kỉ đồng hành, thiên nhiên trong thơ Nôm Nguyễn Trãi còn là biểu tượng của lối sống và nhân cách mà người ẩn sĩ hướng tới. Khi từ bỏ danh lợi, rút lui khỏi chốn “lưới trần”, nhà thơ không chối bỏ cuộc đời mà chủ động lựa chọn lối sống thuận theo tự nhiên để giữ gìn phẩm hạnh, khí tiết. Thiên nhiên vì thế trở thành không

gian đạo đức, nơi con người gạt lọc tâm hồn và khẳng định bản lĩnh cá nhân. Bài thơ *Thuật hứng XX* là một ví dụ tiêu biểu:

“Công danh đã thuận hợp về nhà,
Lành dữ âu chi thể nghị khen.
Ao cạn vớt bèo cấy muống,
Đìa thanh phát cỏ ương sen.
Kho thu phong nguyệt đầy qua nóc,
Thuyền chở yên hà nặng vạy then
Bụi có một lòng trung lẫn hiếu,
Mài chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen”

Đây là một trong những bài thơ nổi tiếng thể hiện triết lí nhân - đạo - trung hiếu của Nguyễn Trãi, rất tiêu biểu cho phong cách ẩn sĩ thời hậu Lê. Trong không gian “ao cạn”, “đìa thanh”, “kho thu phong nguyệt”, hình ảnh ẩn khách không nhàn rồi buông xuôi, mà vẫn sống lao động cần mẫn “vớt bèo cấy muống”, “phát cỏ ương sen”. Sự gắn bó với thiên nhiên không phải để trốn đời mà là để trui rèn phẩm hạnh, tiết tháo của kẻ sĩ. Đặc biệt, câu thơ cuối “Mài chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen” là lời khẳng định mạnh mẽ về bản lĩnh đạo đức dù bị thử thách, mài nhuộm bởi cuộc đời nhưng lòng trung hiếu của người quân tử vẫn không bị mài mòn, đổi thay. Chính thiên nhiên là tấm gương soi chiếu phẩm hạnh, là không gian lí tưởng để giữ gìn cốt cách thanh cao.

Sự lựa chọn trở về với thiên nhiên cũng chính là một hình thức tự khẳng định bản thể khi nhà thơ không để mình tan biến giữa bụi trần mà chọn một cách sống mang đậm tính chất tự tại, độc lập và kiên cường. Như vậy, thông qua việc khắc họa hình ảnh thiên nhiên bình dị, mộc mạc, gắn với lao động đời thường, ẩn sĩ bày tỏ nỗi lòng, chí hướng về một cuộc đời thanh cao, mang khí tiết trong sạch và giữ trọn hiếu trung. Phẩm cách, khí tiết ấy mãi mãi vẹn nguyên và thường trực tâm hồn Nguyễn Trãi dẫu cho cuộc đời đầy hung hiểm có thử thách, mài nhuộm ra sao.

Tóm lại, trong thơ Nôm Nguyễn Trãi, thiên nhiên vừa là cảnh vừa là tình. Thiên nhiên là cảnh trong bức tranh tứ bình diễm lệ mà dung dị. Mỗi mùa trong bức tứ bình ấy được hoạ bằng những nét vẽ riêng có cỏ cây, muông thú, gió trăng... có hương sắc, thanh âm, có nảy mầm, có tàn phai... vừa mang phong vị cổ điển nhưng cũng đậm chất mộc mạc thôn quê. Thiên nhiên là tình trong mối quan hệ giao hoà, thấu cảm với thi nhân. Ẩn khách rời xa thế tục trở về với tự nhiên, bầu bạn, hợp nhịp với đất trời, vũ trụ. Nhưng sự trở về ấy không phải để nương náu, trốn chạy thế sự hồng trần mà để mài giũa, giữ gìn khí tiết, phẩm giá và tấm lòng hiếu trung của người quân tử đối với lòng dân vận nước. Vì thế, với nhà thơ thiên nhiên là cố nhân.

4. Kết luận

THTM thiên nhiên trong thơ Nôm Nguyễn Trãi là một hệ thống biểu đạt giàu sức gợi, đa dạng về hình thức, sâu sắc về nội dung và mang đậm dấu ấn cá nhân của nhà thơ. Thông qua việc phân loại theo và nhận diện bốn nhóm lớn – thực vật, động vật, hiện tượng tự nhiên và vật thể tự nhiên – và hai dạng thức hằng thể và biến thể, có thể thấy rõ cách Nguyễn Trãi kiến tạo nên một thế giới nghệ thuật thiên nhiên sống động, phong phú, giàu tính biểu tượng. Thiên nhiên trong thơ ông không chỉ là chất liệu thẩm mỹ mà còn là phương tiện tư tưởng, là bạn tri âm, là cố nhân của người ẩn sĩ, đồng thời cũng là biểu tượng cho khát vọng sống thanh cao, thuận tự nhiên, vượt lên trên mọi biến động thế sự.

THTM thiên nhiên trong thơ Nôm Nguyễn Trãi vừa kế thừa mỹ cảm truyền thống của văn học trung đại, vừa khởi tạo một phong cách mới – dung dị, dân dã nhưng không kém phần sâu lắng, tạo nền tảng, đặt nền móng cho sự phát triển của dòng văn học Quốc âm mang đậm bản sắc, cốt cách Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Minh Toán (2012). *Ngôn ngữ với văn chương*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2] Đỗ Hữu Châu (1990). Những luận điểm về cách tiếp cận ngôn ngữ học và các sự kiện văn học. *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 2.
- [3] Đỗ Hữu Châu (2005). *Đỗ Hữu Châu tuyển tập*. Tập 2. NXB Giáo dục.
- [4] Ferdinand de Saussure (2005). *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*. Cao Xuân Hạo dịch. NXB Khoa học Xã hội.
- [5] Kiều Thu Hoạch (2021). *Thơ Nôm Nguyễn Trãi và Nguyễn Bình Khiêm (Khảo cứu văn bản học so sánh, Phiên âm mới, Chú giải mới)*. NXB Khoa học Xã hội.
- [6] Nguyễn Tá Nhí (chủ biên, 2008). *Tổng tập Văn học Nôm Việt Nam*. Tập 1. NXB Khoa học Xã hội.
- [7] Phạm Thị Huyền Trang (2016). Biểu tượng thiên nhiên trong Quốc âm thi tập và Bạch vân quốc ngữ thi tập từ góc nhìn văn hóa. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Thủ đô Hà Nội*, số 7.
- [8] Trần Trọng Dương (2018). *Nguyễn Trãi - Quốc âm từ điển*. NXB Văn học.
- [9] Trương Thị Nhân (1995). *Sự biểu đạt bằng ngôn ngữ các tín hiệu thẩm mỹ – không gian trong ca dao* (Luận án Phó Tiến sĩ). Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1.